|  |  |
| --- | --- |
| BỘ XÂY DỰNG**CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY** **VIỆT NAM**Số: /TTr-CHHĐTVN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

Dự thảo

**TỜ TRÌNH**

**Phê duyệt Đề án nâng cao giải pháp quản lý nhà nước thay thế thủ tục hành chính cấp phép phương tiện thủy nội địa; miễn, giảm phí, lệ phí đối với phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu**

Kính gửi: Bộ Xây dựng

 Căn cứ Kết luận Hội nghị Ban thường vụ Đảng ủy Bộ Xây dựng số 05- KL/ĐU ngày 04/4/2025 về công tác chuyên môn, trong đó có nội dung giao Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam xây dựng Đề án nâng cao giải pháp quản lý nhà nước thay thế thủ tục hành chính cấp phép và miễn, giảm phí, lệ phí đối với phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu (sau đây gọi là Đề án), Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam kính trình dự thảo Đề án với các nội dung chính như sau:

 **I. SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

 **1. Cơ sở pháp lý**

*1.1. Các văn bản chỉ đạo của Đảng*

- Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 18- NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong việc tiếp tục đẩy mạnh tinh gọn bộ máy chính quyền địa phương.

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025;

- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (cấp tỉnh và cấp cơ sở, không tổ chức cấp huyện);

- Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp*;*

- Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

- Kế hoạch số 40/KH-BCĐ ngày 19/4/2025 của Ban chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp về việc phân công các bộ, cơ quan ngang bộ ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới VBQPPL liên quan đến việc kết thúc hoạt động của chính quyền địa phương cấp huyện và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

- Kết luận 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30/6/2025;

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, nhằm tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu.

*1.2. Các văn bản chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ*

- Nghị quyết số 1313/NQ-UBTVQH15 ngày 25/9/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giám sát chuyên đề việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông từ năm 2009 đến hết năm 2023;

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 10/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 1313/NQ-UBTVQH15 ngày 25/9/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giám sát chuyên đề việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông từ năm 2009 đến hết năm 2023;

- Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

*1.3. Văn bản quy phạm pháp luật*

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

- Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03/7/2017 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng;

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Nghị định số 54/2022/NĐ-CP ngày 22/8/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Thông tư số 18/2021/TT-BGTVT ngày 14/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ Đường thủy nội địa; Thông tư số 61/2024/TT-BGTVT ngày 19/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [18/2021/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Thong-tu-18-2021-TT-BGTVT-quy-dinh-to-chuc-va-hoat-dong-cua-Cang-vu-duong-thuy-noi-dia-488436.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 14/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ đường thủy nội địa;

- Thông tư số 19/2021/TT-BGTVT ngày 14/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải; Thông tư số 03/2025/TT-BGTVT ngày 09/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [19/2021/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Thong-tu-19-2021-TT-BGTVT-quy-dinh-to-chuc-va-hoat-dong-cua-Cang-vu-hang-hai-488442.aspx%22%20%5Ct%20%22_blank) ngày 14/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải;

- Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa;

- Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải; Thông tư số 74/2021/TT-BTC ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 261/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải;

- Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thuỷ nội địa;

- Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 02/2025/TT-BGTVT ngày 08/01/2025 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Hiện nay, quy định pháp luật để điều chỉnh hoạt động của phương tiện thuỷ nội địa gồm có 01 Bộ luật, 01 Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành từ đăng ký, đăng kiểm phương tiện, hoạt động cấp phép, tổ chức bộ máy phục vụ công tác cấp phép và thu phí, lệ phí hoạt động của phương tiện thuỷ nội địa.

Việc một đối tượng là phương tiện thuỷ nội địa chịu sự điều chỉnh của cả hệ thống pháp luật hàng hải và hệ thống pháp luật đường thuỷ nội địa nên không tránh khỏi có nội dung chồng chéo, đan xen; Với định hướng phát triển kinh tế, cắt giảm thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển, việc nghiên cứu cắt giảm thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, việc nghiên cứu cắt giảm thủ tục hành chính cấp phép phương tiện thuỷ nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thuỷ nội đại, khu neo đậu sẽ góp phần tiến tới đáp ứng tỷ lệ cắt giảm các chỉ tiêu theo yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP.

Trên cơ sở các quy định của Bộ luật, Luật, hiện nay, trên cả nước có 03 hệ thống Cảng vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu cấp phép cho phương tiện thủy nội địa, tàu thuyền vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu gồm: Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (22 Cảng vụ) và Cảng vụ Đường thủy nội địa thuộc Sở Xây dựng (17 Cảng vụ). Bên canh đó, để đảm bảo tạo điều kiện cho các địa phương tự chủ động trong công tác tổ chức bộ máy quản lý chuyên ngành phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn của địa phương, đảm bảo không bỏ sót địa bàn quản lý, trường hợp địa phương chưa có tổ chức Cảng vụ đường thủy nội địa thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao 01 cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành tại các cảng, bến thủy nội địa trong phạm vi thẩm quyền.

Thực hiện Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 18- NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong việc tiếp tục đẩy mạnh tinh gọn bộ máy chính quyền địa phương: tiếp tục sắp xếp các đơn vị hành chính, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp…, theo đó, trong thời gian tới, hệ thống các Cảng vụ Đường thủy nội địa địa phương cũng được điều chỉnh, sắp xếp, tổ chức lại cho phù hợp với tình hình mới. Các giải pháp nghiên cứu cắt giảm thủ tục hành chính cấp phép cho phương tiện thuỷ nội địa có tác động trực tiếp đến công tác tổ chức bộ máy và tổ chức quản lý nhà nước chuyên ngành, cấp phép cho phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trong phạm vi cả nước.

Vì vậy, việc nghiên cứu, xây dựng Đề án nâng cao giải pháp quản lý nhà nước thay thế thủ tục hành chính cấp phép phương tiện thủy nội địa; việc miễn, giảm phí, lệ phí đối với phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu (sau đây gọi chung là Đề án) là cần thiết trong thời điểm hiện nay.

**II.** **MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ ÁN**

**1. Mục tiêu của Đề án**

- Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản liên quan đến quản lý hoạt động của phương tiện thuỷ nội địa nói chung và quản lý công tác cấp phép cho phương tiện thuỷ nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thuỷ nội địa, khu neo đậu nói riêng.

- Cắt giảm thủ tục hành chính trong liên quan đến công tác cấp phép phương tiện thủy nội địa; nghiên cứu việc miễn, giảm việc thu phí, lệ phí đối với phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trong phạm vi cả nước; tiến tới từng bước hiện đại hóa nền hành chính, gắn kết chặt chẽ với ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, động lực, mục tiêu của sự phát triển; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp; bảo đảm 05 rõ: “*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm*”, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tham gia hoạt động kinh doanh.

- Giảm một phần gánh nặng tài chính do giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, người dân trong việc tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và cơ quan quản lý nhà nước nhằm tận dụng nguồn tài nguyên quốc gia để phát triển hoạt động đường thuỷ nội địa tại Việt Nam.

- Góp phần làm minh bạch hệ thống pháp luật, không tạo điều kiện để tình trạng tham nhũng tiêu cực (nếu có).

**2. Phạm vi nghiên cứu của Đề án**

- Các quy định của pháp luật hiện hành;

- Đánh giá hiện trạng, thực tế trong việc thực hiện thủ tục hành chính cấp phép cho phương tiện thuỷ nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thuỷ nội địa, khu neo đậu;

- Đánh giá hiện trạng, thực tế của việc thu phí, lệ phí cấp phép cho phương tiện thuỷ nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thuỷ nội địa, khu neo đậu;

- Các số liệu nghiên cứu trong Đề án được thống kê, tổng hợp trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/4/2025 và trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế thị trường tại thời điểm nghiên cứu, xây dựng Đề án.

**3. Đối tượng nghiên cứu của Đề án**

Các đối tượng nghiên cứu của Đề án được xác định gồm:

- Các quy định của pháp luật liên quan đến công tác quản lý nhà nước chuyên ngành, cấp phép cho phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; quy định về hoạt động thu phí, lệ phí đối với phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu;

- Công tác tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến công tác quản lý nhà nước chuyên ngành, cấp phép cho phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; quy định về hoạt động thu phí, lệ phí đối với phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa tại các Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa trong phạm vi cả nước;

 - Người dân, doanh nghiệp có liên quan đến hoạt động đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và người dân, doanh nghiệp tham gia hoạt động vận tải thủy - các đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi kết quả nghiên cứu của Đề án.

 **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO ĐỀ ÁN**

 Quá trình xây dựng dự thảo Đề án, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các công việc sau:

 **1.** Tổ chức nghiên cứu, rà soát các quy định pháp luật liên quan đến phạm vi nghiên cứu, đối tượng áp dụng của Đề án và đánh giá hiện trạng về tình hình triển khai thực hiện, qua đó nhận diện một số vấn đề, vướng mắc bất cập trong nhận thức, năng lực; quy định của chính sách, pháp luật và việc thực thi chính sách, pháp luật trong công tác quản lý nhà nước chuyên ngành, cấp phép cho phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; quy định về hoạt động thu phí, lệ phí đối với phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa tại các Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa trong phạm vi cả nước để xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án.

 **2.** Xây dựng dự thảo Đề cương Đề án, dự thảo Đề án, dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định; tổ chức 03 hội nghị tại phía Bắc, phía Nam và nhiều cuộc họp để tham vấn, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan và người dân, doanh nghiệp kinh doanh hoạt động vận tải thủy nội địa, kinh doanh, khai thác cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu; gửi văn bản xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương về dự thảo Đề án.

 **3.** Trên cơ sở kết quả rà soát, nghiên cứu các quy định pháp luật và thực tiễn triển khai thực hiện cũng như kết quả tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến các các cơ quan, đơn vị, người dân, doanh nghiệp đối với dự thảo Đề án, Cục hàng hải và Đường thủy Việt Nam đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Đề án, dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt Đề án để trình Bộ trưởng phủ xem xét, ký ban hành.

 **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO ĐỀ ÁN**

 **1. Bố cục của dự thảo Đề án**

 Dự thảo Đề án được bố cục gồm 05 phần, cụ thể:

 - Phần I. Sự cần thiết, cơ sở xây dựng, mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề án;

- Phần II. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về cấp phép và thu phí, lệ phí đối với phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu;

 - Phần III. Đề xuất giải pháp thay thế thủ tục cấp phép và miễn, giảm phí, lệ phí đối với phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu;

 - Phần IV. Tổ chức thực hiện;

 - Phần V. Phụ lục.

 **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Đề án**

 2.1. Bãi bỏ thủ tục hành chính cấp phép phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu (không bao gồm: các phương tiện mang cấp VR-SB; thủy phi cơ; phương tiện thủy xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh).

 Việc cấp phép cho phương tiện mang cấp VR-SB; thủy phi cơ, phương tiện thủy xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thực hiện theo quy định pháp luật hàng hải như đối với tàu biển.

 2.2. Cắt giảm khoản thu lệ phí cấp phép phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và phí trọng tàu phương tiện tương ứng với các loại phương tiện thủy nội địa được bãi bỏ thủ tục.

 2.3. Đề xuất giải pháp quản lý thay thế:

2.3.1. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước

a) Quản lý hoạt động của phương tiện vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu thông qua việc lập và triển khai Kế hoạch điều động phương tiện vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa trên cơ sở tiếp nhận thông báo thông tin về phương tiện hoạt động từ Chủ cảng biển, cảng, bến, khu neo đậu. Kế hoạch điều động phương tiện được đăng tải công khai trên Trang thông tin của cơ quan, đơn vị.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin: Cơ quan quản lý nhà chuyên ngành quản lý hoạt động, hành trình phương tiện thông qua việc nhận dạng, định vị, chia sẻ thông tin giữ các tàu và bờ (thông qua hệ thống nhận dạng tự động AIS) và xác định vị trí, tốc độ, hướng tàu (thông qua thiết bị giám sát hành trình).

c) Tăng cường công tác phối hợp liên ngành giữa các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và các cơ quan liên quan; kiểm tra an toàn phương tiện; giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện; ứng dụng kiểm tra, quản lý thông tin qua VNEID để kiểm tra thông tin phương tiện và thuyền viên, người lái phương tiện.

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu về phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện

- Xây dựng cơ sở dữ liệu để quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa; quản lý phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện và phương tiện vào, rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trong phạm vi cả nước; quản lý phương tiện và thuyền viên, người lái phương tiện thông qua cơ sở dữ liệu phương tiện và thuyền viên, người lái phương tiện; đồng bộ với dữ liệu của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cảng vụ và các đơn vị liên quan;

- Phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông và Biên phòng thiết lập cơ chế chia sẻ dữ liệu hành trình, trạng thái đăng kiểm và vi phạm giữa các đơn vị;

- Liên thông với cơ sở dữ liệu đăng kiểm và hệ thống quản lý kiểm tra an toàn để phát hiện phương tiện không đủ điều kiện hoạt động;

- Xây dựng và nâng cấp phần mềm quản lý, Trang thông tin của đơn vị.

đ) Tăng cường kiểm tra và xử lý vi phạm:

- Tổ chức kiểm tra đột xuất tại cảng, bến hoặc trên tuyến hành trình nhằm phát hiện kịp thời hành vi vi phạm;

Nghiên cứu quản lý phương tiện theo tiêu chí rủi ro và mức độ tuân thủ thông qua bộ tiêu chí đánh giá rủi ro đối với phương tiện dựa trên các yếu tố về loại tàu, tải trọng, tuổi tàu, tình trạng kỹ thuật, kinh nghiệm thuyền viên và điều kiện tuyến hành trình, trên cơ sở đó, áp dụng các chế độ kiểm tra, giám sát phù hợp để tối ưu hóa hiệu quả kiểm soát và nâng cao an toàn.

- Rà soát, sửa đổi mức phạt vi phạm hành chính theo hướng tăng nặng, áp dụng thêm các biện pháp áp dụng bổ xung như đình chỉ hoạt động, thu hồi chứng chỉ đối với trường hợp tái phạm để tăng tính răn đe và tự giác của người dân, doanh nghiệp.

e) Rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan

- Rà soát, bổ sung quy định chặt chẽ về yêu cầu, điều kiện đối với phương tiện hoạt động vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và trong quá trình hoạt động hành trình của phương tiện;

- Rà soát, sửa đổi bổ sung trách nhiệm của chủ phương tiện hoặc thuyền viên hoặc người lái phương tiện và chủ cảng, bến, khu neo đậu;

- Rà soát, sửa đổi các quy định về xử phạt vi phạm hành chính theo hướng tăng mức xử phạt của chủ phương tiện đối với các hành vi vi phạm về trách nhiệm của chủ phương tiện trong việc đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông đường thủy nội địa.

- Rà soát, sửa đổi quy định của Bộ Tài chính về mức phí, lệ phí đối với hoạt động phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, xây dựng Đề án sửa Thông tư của Bộ Tài chính theo hướng đưa mức phí trọng tải, lệ phí cấp phép khi không thực hiện cấp phép thủ tuc phương tiện thủy nội địa về bằng 0 đồng.

- Rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác.

2.3.2. Đối với chủ cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu

- Thực hiện thông báo kế hoạch điều độ phương tiện vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu từ chủ cảng, bến, khu neo đậu trước 16 giờ hàng ngày để lập và triển khai kế hoạch điều động phương tiện vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa; trường hợp có thay đổi, phải thông báo lại cho cơ quan quản lý nhà nước;

- Khuyến khích xây dựng phần mềm quản lý việc lập kế hoạch điều độ phương tiện vào, rời cảng biển, cảng bến thủy nội địa, khu neo đậu và chia sẻ dữ liệu với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành;

- Thực hiện báo cáo, cập nhật số liệu thống kê về lượt phương tiện, sản lượng hàng hóa, hành khách thông qua cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu theo định kỳ và khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

- Khuyến khích lắp đặt camera có đường truyền kết nối, chia sẻ tín hiệu đến cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành được giao nhiệm vụ, kết hợp tăng cường chủ động công tác tự kiểm tra, giám sát tại cảng, bến, khu neo đậu.

- Duy trì hoạt động an toàn của cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, các thiết bị neo đậu phương tiện và báo hiệu đường thủy nội địa tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu;

- Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm với việc sắp xếp vị trí cho phương tiện vào, rời cảng, bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường.

2.3.3 Đối với thuyền viên, người lái phương tiện

- Neo đậu phương tiện tại nơi do chủ cảng, bến sắp xếp và tuân thủ các yêu cầu theo nội quy của cảng, bến;

- Duy trì hoạt động của thiết bị nhận dạng tự động trên phương tiện theo quy định;

 - Riêng đối với đối tượng là phương tiện chở khách, phương tiện vận chuyển hàng nguy hiểm: trường hợp phương tiện chở khách, yêu cầu thuyền viên, người lái phương tiện chở hành khách lập danh sách hành khách (Tên tàu, Họ và tên, Ngày và nơi sinh, Số hộ chiếu (đối với người nước ngoài) hoặc Số định danh cá nhân/Số căn cước) và mang theo trong quá trình hành trình phương tiện; trường hợp phương tiện vận chuyển hàng nguy hiểm, yêu cầu thuyền viên, người lái phương tiện mang theo Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo quy định để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát khi được yêu cầu.

 2.4. Đánh giá các tác động của đề xuất nhằm cung cấp đầy đủ các thông tin về tác động kinh tế, xã hội của Đề án khi xem xét, phê duyệt.

 **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Công tác tổ chức thực hiện chung**

- Tuyên truyền, phổ biến: Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện xây dựng nội dung tuyên truyền liên quan đến nội dung Đề án tới các cơ quan, tổ chức và người dân có liên quan nhằm thu thập thông tin, phản hồi và tạo sự đồng thuận, nhất trí cao của dư luận.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý triển khai thực hiện: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp, báo cáo Bộ Xây dựng ban hành hoặc đề nghị ban hành theo thẩm quyền.

 - Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và các cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành theo quy định.

 **2. Nguồn lực thực hiện**

 2.1. Kinh phí thực hiện: Được bố trí từ nguồn kinh phí do ngân sách Nhà nước cấp.

 2.2. Sắp xếp nhân sự, tổ chức bộ máy

 - Tại các cơ quan quản lý trung ương: nhiệm vụ làm thủ tục cấp phép cho phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến, khu neo đậu và thu phí, lệ phí đối với phương tiện thủy nội địa chiếm một phần nhỏ trong tổng số các nhiệm vụ được giao. Mặt khác, thời gian lực lượng cảng vụ viên thực hiện công tác cấp phép, làm thủ tục và thu phí chỉ mất khoảng 05-10 phút /1 lượt phương tiện nhưng thời gian lực lượng Cảng vụ viên thực hiện công tác kiểm tra điều kiện an toàn của phương tiện thủy khi vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu trước khi cấp phép chiếm thời gian cao hơn rất nhiều khoảng 60 phút - 90 phút/1 lượt phương tiện. Đồng thời, theo phương án đề xuất tại Đề án, khi bãi bỏ thủ tục cấp phép vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cần đẩy mạnh hoạt động kiểm tra an toàn phương tiện trước khi rời cảng, bến. Do vậy, khi bãi bỏ thủ tục cấp phép vào, rời cảng, bến cho phương tiện thủy nội địa, mức độ ảnh hưởng về thời gian làm việc của công chức, viên chức, người lao động tại vị trí "Chuyên viên về quản lý phương tiện và người lái" không lớn, do đó, vị trí việc làm này vẫn cần thiết, nhân sự giữ vị trí việc làm tiếp tục được rà soát, bố trí tăng cường cho công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông thông qua công tác kiểm tra phương tiện, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông cho các phương tiện lưu thông trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia.

 - Tại các cơ quan quản lý địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động rà soát, tổ chức bộ máy, sắp xếp hệ thống nhân sự phù hợp, đảm bảo đủ điều kiện thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra phương tiện, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông cho các phương tiện lưu thông trên tuyến đường thủy nội địa địa phương.

 - Các cơ quan, đơn vị ở trung ương và địa phương tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong tiếp nhận và thực hiện các nhiệm vụ mới.

 Trên đây là Tờ trình dự thảo Đề án nâng cao giải pháp quản lý nhà nước thay thế thủ tục hành chính cấp phép và miễn, giảm phí, lệ phí đối với phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam xin kính trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

 (*Xin gửi kèm theo:*

 *1. Dự thảo Quyết định phê duyệt Đề án;*

 *2. Dự thảo Đề án.*).

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- …- L­ưu: ….  | **…** |